

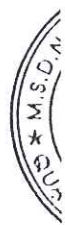
# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SAO MAI

*Báo cáo tài chính riêng*

*Cho năm tài chính 2016 kết thúc tại ngày 31/12/2016  
đã được kiểm toán*

Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)



MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán riêng	05 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	09 - 09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10 - 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	12 - 46

5011  
CÔNG  
CHÍNH  
H VỤ  
CHÍNH  
KIỂM  
HIA  
L.P.V

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập Đoàn Sao Mai (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính 2016 kết thúc tại ngày 31/12/2016.

### CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Tập Đoàn Sao Mai được thành lập theo Giấy phép số 000450/GP/TLDN-03 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 05 tháng 02 năm 1997; Giấy phép kinh doanh số 064828 ngày 05 tháng 03 năm 1997; các Giấy phép kinh doanh bổ sung 064828 ngày 15 tháng 02 năm 2001, 064828 ngày 01 tháng 06 năm 2004 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000036 ngày 28 tháng 11 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư An Giang cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 1600169024 ngày 04/11/2009. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600169024 ngày 29/03/2011. Đăng ký thay đổi: lần thứ 19 ngày 25/04/2012; lần thứ 20 ngày 05/12/2012; lần thứ 21 ngày 24/09/2013; lần thứ 22 ngày 20/12/2013; lần thứ 23 ngày 26/09/2014; lần thứ 24 ngày 23/10/2014; lần thứ 25 ngày 08/12/2014; lần thứ 26 ngày 25/08/2015 và lần thứ 27 ngày 02/10/2015

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2016 là:

2.199.398.670.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: 326 Hùng Vương, Tp.Long Xuyên, An Giang

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp, bất động sản, thương mại, dịch vụ, ...

#### 3. Ngành nghề kinh doanh:

Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, đường ống cấp thoát nước, công trình thủy lợi, công trình ngầm dưới nước; Xây lắp điện nước; San lấp mặt bằng; Khai thác cát sỏi; Trang trí nội thất; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch; Kinh doanh và dịch vụ điện năng; Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng; Sản xuất bột matít; Kinh doanh phòng hát Karaoke, massage; Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát; Lắp đặt thiết bị cơ điện lạnh, điều hòa trung tâm, thang máy, cầu thang, băng chuyền tự động, hệ thống bơm, ống nước, điều hòa không khí; Mua bán thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh (lò sưởi kim loại, hệ thống sưởi bằng nước nóng, nước lạnh), linh kiện điện tử, viễn thông và điều khiển; Nuôi trồng, chế biến thủy sản; Đào tạo nghề; Kinh doanh nhà nghỉ dưỡng lão; ...

#### 4. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty con:

- + Công ty TNHH Dững Thịnh Phát
- + Công ty CP Du Lịch Đồng Tháp
- + Công ty CP Phú Hùng Phú Quốc
- + Công ty CP Đầu Tư Tài Chính & Truyền Thông Quốc Tế
- + Công ty CP Du Lịch An Giang

Công ty liên doanh, liên kết

- + Công ty CP Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

- + Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai
- + Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai - Khu nghỉ mát Sao Mai
- + Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại Lập Vò - Đồng Tháp
- + Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai - Bệnh viện Quốc tế Sao Mai
- + Văn phòng đại diện Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại các tỉnh Phía Bắc
- + Văn phòng đại diện Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại Thành phố Hoà Bình

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2016 được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2016 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc bao gồm:

Ông:	Lê Thanh Thuấn	Chủ tịch
Ông:	Nguyễn Văn Hưng	Phó chủ tịch
Ông:	Lê Văn Chung	Thành viên
Ông:	Lê Xuân Quế	Thành viên
Ông:	Lê Văn Thùy	Thành viên
Ông:	Trương Vĩnh Thành	Thành viên
Ông:	Lê Văn Lâm	Thành viên
Bà:	Võ Thị Hồng Tâm	Thành viên
Bà:	Lê Thị Nguyệt Thu	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông:	Lê Thanh Thuấn	Tổng Giám đốc
Ông:	Nguyễn Văn Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông:	Lê Văn Chung	Phó Tổng Giám đốc
Ông:	Lê Xuân Quế	Phó Tổng Giám đốc
Ông:	Lê Văn Lâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông:	Trương Vĩnh Thành	Phó Tổng Giám đốc
Bà:	Lê Thị Nguyệt Thu	Phó Tổng Giám đốc
Bà:	Lê Thị Phượng	Phó Tổng Giám đốc
Ông:	Nguyễn Hoàng Sang	Giám Đốc Tài Chính

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông:	Trương Công Khánh	Trưởng ban
Bà:	Lê Thị Tính	Ủy viên
Ông:	Lê Thanh Hánh	Ủy viên

Đại diện theo pháp luật:

Ông: Lê Thanh Thuấn

Kế toán trưởng:

Ông: Nguyễn Hoàng Sang

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính 2016 kết thúc tại ngày 31/12/2016. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng này.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm tại ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ. Cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

### CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

### PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chúng tôi, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập Đoàn Sao Mai phê duyệt Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính 2016 kết thúc tại ngày 31/12/2016 của Công ty.

Long Xuyên, ngày 24 tháng 02 năm 2017

Thay mặt Ban Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc  
Tổng Giám đốc



LÊ THANH THUẬN

Số : 211/BCKT/TC/2017/AASCS

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc  
của Công ty cổ phần Tập Đoàn Sao Mai

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sao Mai được lập ngày 24 tháng 02 năm 2017, từ trang 05 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2017

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

**CÔNG TẬP ĐOÀN SAO MAI**  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
DỊCH VỤ TƯ VẤN  
TÀI CHÍNH KẾ TOÁN  
VÀ KIỂM TOÁN  
PHÍA NAM

QUẢN LÝ - TP. HỒ CHÍ MINH

Đỗ Khắc Thanh

Đỗ Khắc Thanh

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Mỹ Ngọc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1091-2013-142-1

29 Vo Thi Sau Street, District 1, Ho Chi Minh City

Tel: (08) 3820 5944 - (08) 3820 5947 - Fax: (08) 3820 5942

Email: info@aascs.com.vn Website: www.aascs.com.vn

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>3.145.299.377.162</b>	<b>2.961.327.782.897</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>V.01</b>	<b>205.094.795.946</b>	<b>470.480.211.671</b>
111	1. Tiền		45.994.795.946	78.800.387.331
112	2. Các khoản tương đương tiền		159.100.000.000	391.679.824.340
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>V.02</b>	<b>372.139.724.107</b>	
121	1. Chứng khoán kinh doanh			
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)			
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		372.139.724.107	
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>1.341.778.648.768</b>	<b>1.502.138.490.980</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	<b>V.03</b>	351.568.648.030	341.005.305.484
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		840.897.111.408	1.028.788.727.047
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn			
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	<b>V.04</b>	149.312.889.330	132.344.458.449
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý			
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>V.05</b>	<b>1.220.076.327.550</b>	<b>981.793.267.879</b>
141	1. Hàng tồn kho		1.220.076.327.550	981.793.267.879
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>V.13</b>	<b>6.209.880.791</b>	<b>6.915.812.367</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn			
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		3.296.660.589	4.519.972.265
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		2.913.220.202	2.395.840.102
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác			



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.501.851.318.031</b>	<b>827.934.159.833</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>10.000.000</b>	
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn			
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
214	3. Phải thu nội bộ dài hạn			
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn			
216	6. Phải thu dài hạn khác		10.000.000	
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>67.097.131.919</b>	<b>111.076.087.599</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.07	38.822.346.997	80.599.484.495
222	- Nguyên giá		50.325.194.516	109.097.365.157
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(11.502.847.519)	(28.497.880.662)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính			
225	- Nguyên giá			
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.08	28.274.784.922	30.476.603.104
228	- Nguyên giá		28.274.784.922	30.476.603.104
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	V.09	<b>125.030.620.497</b>	<b>47.884.453.137</b>
231	- Nguyên giá		150.656.384.255	52.489.956.454
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(25.625.763.758)	(4.605.503.317)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	V.06	<b>3.683.548.342</b>	<b>3.683.548.342</b>
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		3.683.548.342	3.683.548.342
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	V.02	<b>1.291.365.583.197</b>	<b>654.084.332.253</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		560.070.719.800	413.464.109.800
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		693.608.460.000	200.386.570.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		40.060.000.000	40.060.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		(7.483.596.603)	(4.936.347.547)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		5.110.000.000	5.110.000.000
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>14.664.434.076</b>	<b>11.205.738.502</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.10	14.664.434.076	11.205.738.502
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
268	4. Tài sản dài hạn khác			
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>4.647.150.695.193</b>	<b>3.789.261.942.730</b>

05/01/17  
CÔNG  
CHỨC  
H VỤ T  
CHÍNH K  
KIỂM  
PHIÊN  
L.P. 10



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>2.123.378.902.852</b>	<b>1.429.027.445.580</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.601.420.596.494</b>	<b>900.939.906.580</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	205.353.294.657	74.369.561.589
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		672.265.922.110	261.271.670.424
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.13	70.699.409.919	14.319.760.871
314	4. Phải trả người lao động		272.490.900	
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn			
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.15	40.945.675.418	32.749.770.226
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.14	82.130.353.866	56.590.959.867
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.11	518.077.874.801	451.197.513.306
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		11.675.574.823	10.440.670.297
323	13. Quỹ bình ổn giá			
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
			<b>521.958.306.358</b>	<b>528.087.539.000</b>
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>			
331	1. Phải trả người bán dài hạn			
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn			
333	3. Chi phí phải trả dài hạn			
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn			
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn			
337	7. Phải trả dài hạn khác	V.14	500.000.000	500.000.000
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.11	521.458.306.358	527.587.539.000
339	9. Trái phiếu chuyển đổi			
340	10. Cổ phiếu ưu đãi			
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn			
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.16	2.523.771.792.341	2.360.234.497.150
410	I. Vốn chủ sở hữu		2.523.771.792.341	2.360.234.497.150
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2.199.398.670.000	2.199.398.670.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.199.398.670.000	2.199.398.670.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		45.056.200.000	45.056.200.000
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu			
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu			
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)			
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		35.601.244.042	29.741.625.938
418	8. Quỹ đầu tư phát triển			
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		4.971.647.795	4.971.647.795
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		238.744.030.504	81.066.353.417
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		73.741.830.787	7.821.127.120
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		165.002.199.717	73.245.226.297
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này			
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
431	1. Nguồn kinh phí			
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		4.647.150.695.193	3.789.261.942.730

Người lập biểu

NGÔ THỊ TÔ NGÂN

Kế toán trưởng

NGUYỄN HOÀNG SANG

Long Xuyên, ngày 24 tháng 02 năm 2017

Thay mặt Ban Tổng giám đốc

Tổng Giám đốc



LÊ THANH THUẬN

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	1.460.426.918.742	875.684.818.589
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.02	129.708.154.836	72.164.550.078
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.330.718.763.906	803.520.268.511
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.03	987.690.802.761	621.532.805.319
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		343.027.961.145	181.987.463.192
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.04	8.033.874.730	7.852.180.011
22	7. Chi phí tài chính	VI.05	46.581.291.169	21.599.306.552
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		42.106.794.983	22.320.292.916
24	8. Chi phí bán hàng	VI.06	25.666.923.577	31.807.699.432
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.06	61.872.295.716	41.145.672.767
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		216.941.325.413	95.286.964.452
31	11. Thu nhập khác	VI.07	3.188.673.987	908.975.436
32	12. Chi phí khác	VI.07	4.789.549.258	1.799.982.850
40	13. Lợi nhuận khác		(1.600.875.271)	(891.007.414)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		215.340.450.142	94.395.957.038
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.09	50.338.250.425	21.152.294.944
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			(1.564.203)
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>165.002.199.717</u>	<u>73.245.226.297</u>

Long Xuyên, ngày 24 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu

NGÔ THỊ TÓ NGÂN

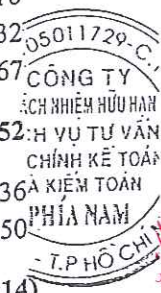
Kế toán trưởng

NGUYỄN HOÀNG SANG

Thay mặt Ban Tổng giám đốc

Tổng Giám đốc

LÊ THANH THUẬN



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp ~~giáo tiếp~~)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>215.340.450.142</b>	<b>94.395.957.038</b>
	1. Lợi nhuận trước thuế			
02	2. Điều chỉnh cho các khoản			
	1. Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		6.236.231.206	4.784.039.265
03	2. Các khoản dự phòng		2.547.249.056	(1.468.192.854)
04	3. Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(31.362.078)	(21.278.267)
05	4. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(6.552.241.644)	(5.084.580.637)
06	5. Chi phí lãi vay		42.106.794.983	22.320.292.916
07	6. Các khoản điều chỉnh khác			
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>259.647.121.665</b>	<b>114.926.237.461</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		161.065.773.788	(796.090.241.539)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(238.283.059.671)	(121.167.256.128)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		592.751.621.521	239.142.115.651
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(3.458.695.574)	(1.665.061.753)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh			
14	- Tiền lãi vay đã trả		(42.106.794.983)	(74.678.041.629)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(11.201.293.109)	(28.484.356.339)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh			
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>718.414.673.637</b>	<b>(668.016.604.276)</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(39.457.007.553)	(328.500.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		321.489.266	
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(372.139.724.107)	(5.110.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(639.828.500.000)	(545.551.160.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			165.000.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.552.241.644	5.084.580.637
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(1.044.551.500.750)</b>	<b>(380.905.079.363)</b>

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

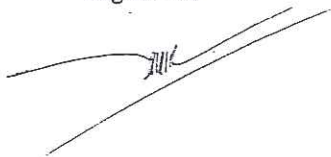
(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
31	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			1.072.876.520.000
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		1.322.756.717.486 (1.262.005.588.633)	1.261.258.056.085 (1.203.680.648.479)
33	3. Tiền thu từ đi vay			(27.001.000)
34	4. Tiền trả nợ gốc vay			
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		60.751.128.853	1.130.426.926.606
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(265.385.698.260)	81.505.242.967
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		470.480.211.671	388.953.690.437
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		282.535	21.278.267
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		205.094.795.946	470.480.211.671
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ			

Người lập biểu



NGÔ THỊ TÔ NGÂN

Kế toán trưởng



NGUYỄN HOÀNG SANG

Long Xuyên, ngày 24 tháng 02 năm 2017  
Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc



  
LÊ THANH THUẬN

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Tập Đoàn Sao Mai được thành lập theo Giấy phép số 000450/GP/TLDN-03 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 05 tháng 02 năm 1997; Giấy phép kinh doanh số 064828 ngày 05 tháng 03 năm 1997; các Giấy phép kinh doanh bổ sung 064828 ngày 15 tháng 02 năm 2001, 064828 ngày 01 tháng 06 năm 2004 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000036 ngày 28 tháng 11 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư An Giang cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 1600169024 ngày 04/11/2009. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600169024 ngày 29/03/2011. Đăng ký thay đổi: lần thứ 19 ngày 25/04/2012; lần thứ 20 ngày 05/12/2012; lần thứ 21 ngày 24/09/2013; lần thứ 22 ngày 20/12/2013; lần thứ 23 ngày 26/09/2014; lần thứ 24 ngày 23/10/2014; lần thứ 25 ngày 08/12/2014; lần thứ 26 ngày 25/08/2015 và lần thứ 27 ngày 02/10/2015

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2016 là: **2.199.398.670.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: 326 Hùng Vương, Tp.Long Xuyên, An Giang

### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp, bất động sản, thương mại, dịch vụ, ...

### 3. Ngành nghề kinh doanh

Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, đường ống cấp thoát nước, công trình thủy lợi, công trình ngầm dưới nước; Xây lắp điện nước; San lấp mặt bằng; Khai thác cát sỏi; Trang trí nội thất; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch; Kinh doanh và dịch vụ điện năng; Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng; Sản xuất bột mạtít; Kinh doanh phòng hát Karaoke, massage; Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát; Lắp đặt thiết bị cơ điện lạnh, điều hòa trung tâm, thang máy, cầu thang, băng chuyền tự động, hệ thống bơm, ống nước, điều hòa không khí; Mua bán thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh (lò sưởi kim loại, hệ thống sưởi bằng nước nóng, nước lạnh), linh kiện điện tử, viễn thông và điều khiển; Nuôi trồng, chế biến thủy sản; Đào tạo nghề; Kinh doanh nhà nghỉ dưỡng lão; ...

### 4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng :

### 6. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách công ty con bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
+ Công ty TNHH Dũng Thịnh Phát	09 Nguyễn Kim, P12, Q5, TP.HCM	66,00%	66,00%
+ Công ty CP Du Lịch Đồng Tháp	06 Đỗ Công Tường, P2, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp	81,36%	81,36%
+ Công ty CP Phú Hùng Phú Quốc	81 Hùng Vương, TT Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang	99,00%	99,00%
+ Công ty CP Đầu Tư Tài Chính & Truyền Thông Quốc Tế	326 Hùng Vương, P.Mỹ Long, Tp.Long Xuyên, An Giang	63,94%	63,94%
+ Công ty CP Du Lịch An Giang	Số 80E Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Xuyên, Tp.Long Xuyên, An Giang	67,09%	67,09%

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

### - Danh sách công ty liên doanh, liên kết bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ nắm giữ
+ Công ty CP Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia	QL80 CCN Vàm Cống, Lấp Vò, Đồng Tháp	39,29%	39,29%

### - Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
+ Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai	Số 9 Nguyễn Kim, phường 12, Quận 5, TP Hồ Chí Minh
+ Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai - Khu nghỉ mát Sao Mai	Km 47 quốc lộ 51, thôn Song Vĩnh, xã Tân Phước, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
+ Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại Lấp Vò - Đồng Tháp	Cụm Công Nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp
+ Chi nhánh Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai - Bệnh viện Quốc tế Sao Mai	Số 325/1 Hùng Vương, phường Mỹ Long, TP.Long Xuyên, An Giang
+ Văn phòng đại diện Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tại các tỉnh Phía Bắc	Nhà C và D - 9, Số 18 đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội



## II . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

## III . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1 . Chế độ kế toán:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

### 2 . Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

## IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

### a. Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- + Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.
- + Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- + Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.
- + Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

### b. Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng .

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng . Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng ;

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

### Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

#### a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

#### b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng .

#### c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế và bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng ;



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

### Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính riêng theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

### + Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

### + Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

### + Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

### Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu:

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

- **Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phát sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

- **Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

### Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ), thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	05 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty, trừ trường hợp BĐS đầu tư chờ tăng giá thì không trích khấu hao mà xác định giá trị tồn thất do giảm giá trị.

### Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

### Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính riêng theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

### Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả:

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

### Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Khi lập Báo cáo tài chính riêng, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

### Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

### Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết so với giá bán trả tiền ngay; doanh thu tương ứng với hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

Số dư các khoản doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ nếu không có bằng chứng chắn chắn cho thấy Công ty sẽ phải trả lại khoản tiền nhận trước cho khách hàng bằng ngoại tệ thì không đánh giá chênh lệch tỷ giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

### Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khế của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

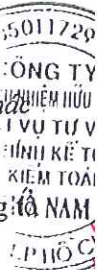
- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

### - Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

#### - Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### - Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### - Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

#### - Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

### - Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

### Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:

- + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng ;
- + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng .

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản Công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

### Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

### Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

### Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

### Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

### Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

### Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### Công cụ tài chính

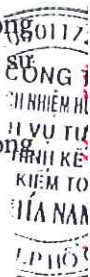
#### a. Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

### b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

**Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH):** Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

**Bù trừ các công cụ tài chính:** Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 01. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
Tiền mặt	24.483.509.446	16.378.748.718
- VND	24.483.509.446	16.378.748.718
- USD		
Tiền gửi không kỳ hạn	21.511.286.500	62.421.638.613
Tiền đang chuyển		
Các khoản tương đương tiền	159.100.000.000	391.679.824.340
- Tiền gửi có kỳ hạn (VND)	159.100.000.000	391.679.824.340
- Các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn		
Cộng	205.094.795.946	470.480.211.671



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

### 02. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

- a) Chứng khoán kinh doanh  
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn  
b1) Ngắn hạn  
- Tiền gửi có kỳ hạn  
b2) Dài hạn  
- Tiền gửi có kỳ hạn  
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	372.139.724.107	372.139.724.107		
	372.139.724.107	372.139.724.107		
	5.110.000.000	5.110.000.000	5.110.000.000	5.110.000.000
	5.110.000.000	5.110.000.000	5.110.000.000	5.110.000.000
<b>Cộng</b>	<b>377.249.724.107</b>	<b>377.249.724.107</b>	<b>5.110.000.000</b>	<b>5.110.000.000</b>
				01/01/2016
	Giá gốc	Giá hợp lý	Giá gốc	Giá hợp lý
	560.070.719.800		413.464.109.800	(1.393.759.593)
	33.000.000.000		33.000.000.000	
	45.391.109.800		45.391.109.800	
	335.073.000.000		335.073.000.000	(1.393.759.593)
	11.510.000.000			
	135.096.610.000			
	693.608.460.000	291.806.686.020	200.386.570.000	196.560.744.300
	693.608.460.000	291.806.686.020	196.876.570.000	196.560.744.300
			3.510.000.000	(3.510.000.000)
	40.060.000.000	34.650.000.000	40.060.000.000	(32.587.954)
	8.060.000.000		8.060.000.000	(32.587.954)
	15.000.000.000	34.650.000.000	15.000.000.000	82.500.000.000
	15.000.000.000		15.000.000.000	
	2.000.000.000		2.000.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>1.293.739.179.800</b>	<b>326.456.686.020</b>	<b>653.910.679.800</b>	<b>196.560.744.300</b>
				<b>(4.936.347.547)</b>

#### Ghi chú:

(\*) Do các công ty trên chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty này chưa thể xác định được để trình bày trên Báo cáo tài chính riêng theo quy định của Thông tư 200/TT-BTC.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Tóm tắt hoạt động của các công ty con trong kỳ:

**- Công ty con**

Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Lợi nhuận sau thuế	Lợi nhuận chưa phân phối
+ Công ty TNHH Dững Thịnh Phát	66,00%	66,00%	1.271.266	63.496.225
+ Công ty CP Du Lịch Đồng Tháp	81%	81%	2.839.531.012	2.839.531.012
+ Công ty CP Phú Hùng Phú Quốc	99,00%	99%	15.091.817	(1.392.746.156)
+ Công ty CP Đầu Tư Tài Chính & Truyền Thông Quốc Tế	63,9%	63,9%	387.231.465	(6.370.562.256)
+ Công ty CP Du Lịch An Giang	67,09%	67,09%	(8.846.994.440)	(23.993.225.748)

Các giao dịch chủ yếu giữa doanh nghiệp với công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong kỳ  
Xem chi tiết thuyết minh VIII.03

### 03 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG

**a) Ngắn hạn**

	31/12/2016	01/01/2016
+ Công ty CP ĐT & Phát triển Đa quốc gia I.D.I	5.488.528.979	1.523.316.675
+ Công ty CP Tư vấn và Đầu tư tài chính	16.881.856.000	21.520.384.000
+ Công ty CP Đầu Tư Tài Chính & Truyền Thông Quốc Tế	10.195.275.800	
+ Công ty CP SATRA Thái Sơn	6.974.620.468	6.974.620.468
+ Khách hàng khác	312.028.366.783	310.986.984.341

**b) Dài hạn**

Cộng

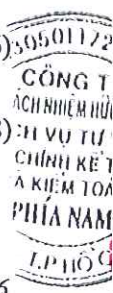
**351.568.648.030      341.005.305.484**

**c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

Đối tượng	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
+ Công ty CP ĐT & Phát triển Đa quốc gia I.D.I	Công ty liên kết	5.488.528.979	1.523.316.675
+ Công ty CP Đầu tư DL và Phát triển Thủy sản	Đầu tư dài hạn khác	86.528.185	
+ Công ty CP Tư vấn và Đầu tư tài chính	Công ty con	16.881.856.000	21.520.384.000
+ Công ty CP ĐT TC & Truyền Thông Quốc Tế	Đầu tư dài hạn khác	10.195.275.800	

### 04 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Gía trị	Dự phòng	Gía trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	149.312.889.330		132.344.458.449	
Tạm ứng	92.288.033.426		112.831.483.035	
Ký cược, ký quỹ	568.000.000		547.680.000	
Phải thu khác	56.456.855.904		18.965.295.414	
b) Dài hạn	10.000.000			
Ký cược, ký quỹ	10.000.000			
<b>Cộng</b>	<b>149.322.889.330</b>		<b>132.344.458.449</b>	



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

05 . HÀNG TỒN KHO	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi đường			666.879.989	
- Nguyên liệu, vật liệu	41.830.864.417			
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	174.743.579.468		74.751.846.220	
- Thành phẩm			139.000.000	
- Hàng hóa	1.003.485.142.873		906.218.801.670	
- Hàng gửi đi bán	16.740.792		16.740.000	
<b>Cộng</b>	<b>1.220.076.327.550</b>		<b>981.793.267.879</b>	

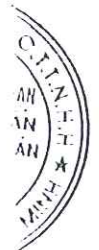
**Ghi chú:**

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: không có
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: 276.207.467.811 đồng.

**06 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN**

- a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn
- b) Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2016	01/01/2016
Mua sắm	3.683.548.342	3.683.548.342
Xây dựng cơ bản	1.147.923.083	1.147.923.083
- Đường GTGT BK3	1.653.591.160	1.653.591.160
- Khu dân cư Hoà Bình	882.034.099	882.034.099
- Khu Đô Thị Mỹ Tho		
- Khu dân cư Chợ Vàm		
<b>Cộng</b>	<b>3.683.548.342</b>	<b>3.683.548.342</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2016

### 07. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
1. Số dư đầu năm	98.606.615.348	1.543.030.427	6.764.872.993	2.182.846.389		109.097.365.157
2. Số tăng trong năm	28.092.610.000	42.718.182	10.170.173.636	1.198.505.735		39.504.007.553
- Mua trong năm	28.092.610.000	42.718.182	10.170.173.636	1.151.505.735		39.457.007.553
- Tặng khác				47.000.000		47.000.000
3. Số giảm trong năm	95.891.276.286	51.578.000	1.820.059.935	513.263.973		98.276.178.194
- Chuyển sang BĐS đầu tư	95.891.276.286					95.891.276.286
- Thanh lý, nhượng bán		51.578.000	1.820.059.935	513.263.973		2.384.901.908
- Giảm khác						
4. Số dư cuối năm	30.807.949.062	1.534.170.609	15.114.986.694	2.868.088.151		50.325.194.516
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
1. Số dư đầu năm	21.984.648.389	936.671.669	4.298.980.427	1.277.580.177		28.497.880.662
2. Khấu hao trong năm	3.213.869.826	253.383.312	1.917.435.944	422.175.329		5.806.864.411
- Khấu hao trong năm	3.213.869.826	253.383.312	1.917.435.944	422.175.329		5.806.864.411
3. Giảm trong năm	20.590.893.646	51.578.000	1.646.161.935	513.263.973		22.801.897.554
- Chuyển sang BĐS đầu tư	20.590.893.646					20.590.893.646
- Thanh lý, nhượng bán		51.578.000	1.646.161.935	513.263.973		2.211.003.908
4. Số dư cuối năm	4.607.624.569	1.138.476.981	4.570.254.436	1.186.491.533		11.502.847.519
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm	76.621.966.959	606.358.758	2.465.892.566	905.266.212		80.599.484.495
2. Tại ngày cuối năm	26.200.324.493	395.693.628	10.544.732.258	1.681.596.618		38.822.346.997

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 28.034.296.717 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.214.955.393 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý: 0 VND

- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không có



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
Năm 2016

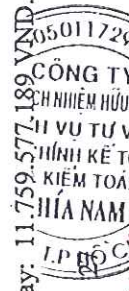
**08 . TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bảng sáng chế	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
1. Số dư đầu năm	30.476.603.104					30.476.603.104
2. Số tăng trong năm						
- Mua trong năm						
- Tạo ra từ nội bộ DN						
- Tặng khác						
3. Số giảm trong năm	2.201.818.182					2.201.818.182
- Thanh lý, nhượng bán						
- Chuyển sang BĐS đầu tư	2.201.818.182					
- Giảm khác						
4. Số dư cuối năm	28.274.784.922					28.274.784.922
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
1. Số dư đầu năm						
2. Khấu hao trong năm						
- Khấu hao trong năm						
- Tặng khác						
3. Giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối năm						
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm	30.476.603.104					30.476.603.104
2. Tại ngày cuối năm	28.274.784.922					28.274.784.922

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 11.759.577.189 VND.

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 0 VND



11.759.577.189 VND.

05011729

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

**09 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
<b>I. Nguyên giá BĐS đầu tư cho thuê</b>	<b>52.489.956.454</b>	<b>98.166.427.801</b>		<b>150.656.384.255</b>
- Quyền sử dụng đất	46.881.856.194	7.878.946.189		54.760.802.383
- Nhà	5.608.100.260	90.287.481.612		95.895.581.872
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>4.605.503.317</b>	<b>21.020.260.441</b>		<b>25.625.763.758</b>
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà	4.605.503.317	21.020.260.441		25.625.763.758
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
<b>III. Giá trị còn lại</b>	<b>47.884.453.137</b>			<b>125.030.620.497</b>
- Quyền sử dụng đất	46.881.856.194			54.760.802.383
- Nhà	1.002.596.943			70.269.818.114

- Giá trị còn lại cuối kỳ của BĐSĐT dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 125.030.802.383 VND  
- Nguyên Giá BĐSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng Giá: 0 VND

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

### 10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016	01/01/2016
a) Ngắn hạn	14.664.434.076	11.205.738.502
b) Dài hạn	1.602.422.572	964.212.449
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	13.062.011.504	10.241.526.053
Các khoản khác	14.664.434.076	11.205.738.502

### 11. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn - VND	518.077.874.801	518.077.874.801	1.052.918.944.486	986.038.582.991	451.197.513.306	451.197.513.306
- Ngân hàng BIDV-KG	229.300.000.000	229.300.000.000	387.800.000.000	232.000.000.000	73.500.000.000	73.500.000.000
- Ngân hàng BIDV-NKKN	155.326.793.120	155.326.793.120	349.637.054.220	289.469.087.100	95.158.826.000	95.158.826.000
- Ngân hàng Việt Á - CN SG	95.902.226.981	95.902.226.981	242.714.205.566	246.054.223.585	99.242.245.000	99.242.245.000
- Ngân hàng Tiên Phong	37.548.854.700	37.548.854.700	72.767.684.700	73.546.903.226	38.328.073.226	38.328.073.226
- Ngân hàng VP Bank TP HCM						
Vay ngắn hạn - USD	518.077.874.801	518.077.874.801	1.052.918.944.486	986.038.582.991	451.197.513.306	451.197.513.306
<b>Cộng</b>						
b) Vay dài hạn						
Trên 1 năm đến 5 năm	514.593.176.358	514.593.176.358	269.837.773.000	274.667.005.642	519.422.409.000	519.422.409.000
- Ngân hàng Á Châu An Giang	184.783.514.800	184.783.514.800		62.104.000.000	246.887.514.800	246.887.514.800
- Ngân hàng TMCP Bán Việt An Giang	9.365.000.000	9.365.000.000		6.260.000.000	15.625.000.000	15.625.000.000



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2016

Đơn vị tính: VND	31/12/2016		Trong kỳ		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>b) Vay dài hạn (tiếp theo)</b>						
- Ngân hàng TMCP Liên Việt An Giang	77.071.050.000	77.071.050.000		21.508.950.000	98.580.000.000	98.580.000.000
- Ngân hàng Ngoại thương An Giang	28.306.822.800	28.306.822.800		11.230.000.000	39.536.822.800	39.536.822.800
- Ngân hàng TMCP Phương Đông An Giang			22.921.000.000	5.880.000.000	5.880.000.000	5.880.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc Dân An Giang						
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong An Giang	60.000.000.000	60.000.000.000	50.000.000.000	12.000.000.000	22.000.000.000	22.000.000.000
- Đối tượng khác	132.145.788.758	132.145.788.758	196.916.773.000	155.684.055.642	90.913.071.400	90.913.071.400
Trên 5 năm	6.865.130.000	6.865.130.000		1.300.000.000	8.165.130.000	8.165.130.000
- Ngân hàng Ngoại thương An Giang	6.865.130.000	6.865.130.000		1.300.000.000	8.165.130.000	8.165.130.000
<b>Cộng</b>	<b>521.458.306.358</b>	<b>521.458.306.358</b>	<b>269.837.773.000</b>	<b>275.967.005.642</b>	<b>527.587.539.000</b>	<b>527.587.539.000</b>

**Chú:** Chi tiết khoản vay dài hạn tại ngày kết thúc ngày 31/12/2016 như sau:

Bên cho vay	Hợp đồng	Hạn mức/Số tiền vay	Thời hạn vay	Lãi suất %/Năm	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Á Châu An Giang	ANG.DN149030614	60.000.000.000	48	11,00	DA Tân Hiệp	
	ANG.DN1500814	210.000.000.000	72	11,00	DA Bình Khánh	
Ngân hàng TMCP Bản Việt An Giang	003/2013	25.000.000.000	60	10,00	DA Tri Tôn	Thế chấp bằng tài sản hình thành từ dự án
Ngân hàng TMCP Liên Việt An Giang	015/2015/AG	100.000.000.000	60	12,00	DA Bình Khánh	
Ngân hàng Ngoại thương An Giang	108/2012	27.000.000.000	60	10,00	DA Hội An	
	37/2012	8.500.000.000	60	10,00	DA Trụ Sờ	
	130/2012	75.000.000.000	120	10,00	KDC Ngọc Hầu	
	271/2012	10.000.000.000	60	10,00	Khu TD TT	
Ngân hàng TMCP Phương Đông An Giang	272/2013	30.000.000.000	36	11,00	DA Tri Tôn	Thế chấp bằng tài sản hình thành từ dự án
Ngân hàng TMCP Tiên Phong An Giang	0274-10.14	25.000.000.000	35	11,00	DA Bình Khánh	
	58/2016	100.000.000.000	60	12,20	DA Thanh Hoá	
- Ngân hàng TMCP Quốc Dân An Giang	063/16	23.200.000.000	84	12,50	Khách sạn Bảo Giang	Quyền sử dụng đất



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
Năm 2016

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	205.353.294.657	205.353.294.657	74.369.561.589	74.369.561.589
+ Công ty Cổ phần Đa Quốc Gia IDI	2.886.891.980	2.886.891.980	14.372.705.114	14.372.705.114
+ Cty TNHH ITV Toàn Cầu	3.184.181.262	3.184.181.262	10.868.191.594	10.868.191.594
+ Công ty Seatocco	29.703.496.630	29.703.496.630	26.204.839.780	26.204.839.780
+ Cty TNHH JIANGSU MUYANG HOLDINGS	64.436.923.000	64.436.923.000		
+ Khách hàng khác	105.141.801.785	105.141.801.785	22.923.825.101	22.923.825.101
b) Dài hạn				
<b>Cộng</b>	<b>205.353.294.657</b>	<b>205.353.294.657</b>	<b>74.369.561.589</b>	<b>74.369.561.589</b>

Đơn vị tính: VND

**12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

- a) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: không có  
đ) Phải trả người bán là các bên liên quan

Mối quan hệ

Đối tượng

- Công ty CP Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia IDI  
Công ty CP Du lịch Đồng Tháp

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Cty Liên kết	2.886.891.980	2.886.891.980	14.372.705.114	14.372.705.114
	255.847.000	255.847.000		

**13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2016		Trong kỳ		31/12/2016	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	4.519.972.265	5.102.028.584	64.797.481.395	45.896.894.960	3.296.660.589	27.299.275.608
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.909.750.344	1.917.048.287	50.741.074.676	11.604.117.360		41.054.005.603
Thuế thu nhập cá nhân			2.211.836.736	383.088.128	2.427.130.444	2.346.128.708
Thuế nhà đất, thuế đất...		7.300.684.000	3.007.334.033	10.308.018.033		
Các khoản phí, lệ phí, thuế khác	486.089.758				486.089.758	
<b>Cộng</b>	<b>6.915.812.367</b>	<b>14.319.760.871</b>	<b>120.757.726.840</b>	<b>68.192.118.481</b>	<b>6.209.880.791</b>	<b>70.699.409.919</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi, theo quyết định của cơ quan thuế.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

### 14 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
a) Ngắn hạn	82.130.353.866	56.590.959.867
Tài sản thừa chờ giải quyết	5.143.773	
Kinh phí công đoàn	301.120.400	80.720.000
Bảo hiểm xã hội	182.483.713	133.499.113
Bảo hiểm y tế		17.068.221
Bảo hiểm thất nghiệp	12.173.643	
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.064.198.425	1.205.435.425
Công ty CP Du Lịch Đồng Tháp	23.000.000.000	33.000.000.000
Cty TNHH MTV Kiểm Định và Đầu Tư Toàn Cầu	24.000.000.000	
Trần Thụy Thanh Thảo	20.003.418.200	20.000.000.000
Vũ Đức Thảo	3.004.118.969	
Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.557.696.743	2.154.237.108
b) Dài hạn	500.000.000	500.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		
Các khoản phải trả, phải nộp khác	500.000.000	500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>82.630.353.866</b>	<b>57.090.959.867</b>

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: không có

### 15 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2016	01/01/2016
a) Ngắn hạn	40.945.675.418	32.749.770.226
Doanh thu nhận trước		
Doanh thu từ chương trình khách hàng truyền thông	40.945.675.418	32.749.770.226
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác		
b) Dài hạn		
<b>Cộng</b>	<b>40.945.675.418</b>	<b>32.749.770.226</b>

c) Khả năng không thực hiện được hợp đồng với khách hàng: không có



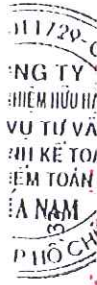
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
Năm 2016

16. 1. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng Cộng
Số dư đầu năm trước	1.072.877.400.000	45.057.080.000	23.304.431.230	4.971.647.795	69.511.490.505	1.215.722.049.530
Tăng vốn trong kỳ trước	1.072.877.400.000	(880.000)				1.072.876.520.000
Lãi trong kỳ trước					73.245.226.297	73.245.226.297
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	53.643.870.000		6.437.194.708			60.081.064.708
Giảm vốn trong kỳ trước						
Trích quỹ từ lợi nhuận					(8.046.493.385)	(8.046.493.385)
Chia cổ tức					(53.643.870.000)	(53.643.870.000)
Thù lao hội đồng quản trị						
Giảm khác						
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>2.199.398.670.000</b>	<b>45.056.200.000</b>	<b>29.741.625.938</b>	<b>4.971.647.795</b>	<b>81.066.353.417</b>	<b>2.360.234.497.150</b>
Tăng vốn trong kỳ này						
Lãi trong kỳ này					165.002.199.717	165.002.199.717
Tăng do trích từ lợi nhuận			5.859.618.104			5.859.618.104
Tăng khác						
Giảm trong kỳ						
Trích quỹ từ lợi nhuận					(7.324.522.630)	(7.324.522.630)
Chia cổ tức						
Lỗ trong kỳ này						
Thù lao hội đồng quản trị						
Giảm khác						
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>2.199.398.670.000</b>	<b>45.056.200.000</b>	<b>35.601.244.042</b>	<b>4.971.647.795</b>	<b>238.744.030.504</b>	<b>2.523.771.792.341</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

16 . 2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	<u>31/12/2016</u>	%	<u>01/01/2016</u>	%
Vốn góp của Nhà nước				
Vốn góp của các đối tượng khác	2.199.398.670.000	100,00%	2.199.398.670.000	100,00%
<b>Cộng</b>	<b>2.199.398.670.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>2.199.398.670.000</b>	<b>100,00%</b>

### 16 . 3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu kỳ	2.199.398.670.000	1.072.877.400.000
- Vốn góp tăng trong kỳ		1.126.521.270.000
- Vốn góp giảm trong kỳ		
- Vốn góp cuối kỳ	2.199.398.670.000	2.199.398.670.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		53.643.870.000

### 16 . 4. Cổ phiếu

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	219.939.867	219.939.867
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	219.939.867	219.939.867
- Cổ phiếu phổ thông	219.939.867	219.939.867
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	219.939.867	219.939.867
- Cổ phiếu phổ thông	219.939.867	219.939.867
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

### 16 . 5. Các quỹ của công ty:

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Quỹ đầu tư phát triển	35.601.244.042	29.741.625.938
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.971.647.795	4.971.647.795

### 17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Ngoại tệ các loại	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
- Dollar Mỹ (USD)	14.529,45	11.912,83
- Bảng Anh (EUR)		

### b) Nợ khó đòi đã xử lý



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

#### 01. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>a) Doanh thu</b>		
Doanh thu bất động sản	488.487.076.495	371.842.683.424
Doanh thu cung cấp dịch vụ	36.949.885.759	7.817.174.323
Doanh thu thương mại	312.859.716.464	329.766.132.969
Doanh thu thức ăn cá	350.570.449.480	
Doanh thu thành phẩm khác		17.726.100.600
Doanh thu xây dựng	271.559.790.544	148.532.727.273
+ Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ	271.559.790.544	148.532.727.273
+ Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập BCTC	635.929.384.040	364.369.593.496
<b>Cộng</b>	<u><u>1.460.426.918.742</u></u>	<u><u>875.684.818.589</u></u>

#### b) Doanh thu đối với các bên liên quan

<u>Đối tượng</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm nay</u>
+ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI	Cty liên kết	682.412.603.064
+ Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản	Đầu tư dài hạn khác	55.542.352.400
+ Công ty CP ĐT TC & Truyền Thông Quốc Tế	Công ty con	10.195.275.800
+ Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài chính	Đầu tư dài hạn khác	16.881.856.000

#### 02. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hàng bán bị trả lại	129.708.154.836	72.164.550.078
<b>Cộng</b>	<u><u>129.708.154.836</u></u>	<u><u>72.164.550.078</u></u>

#### 03. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn của bất động sản	168.418.129.460	150.750.962.781
- Giá cung cấp dịch vụ	9.090.258.300	9.753.271.968
- Giá vốn thương mại	312.469.740.312	324.312.071.208
- Giá vốn thức ăn cá	341.410.708.279	
- Giá vốn thành phẩm khác		19.094.238.952
- Giá vốn xây dựng	156.301.966.410	117.622.260.410
<b>Cộng</b>	<u><u>987.690.802.761</u></u>	<u><u>621.532.805.319</u></u>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

### 04 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.453.600.562	5.084.580.637
Cổ tức, lợi nhuận được chia	780.459.264	
Lãi chênh lệch tỷ giá	31.362.078	422.056.156
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	1.767.162.308	337.334.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.290.518	2.008.209.218
<b>Cộng</b>	<b>8.033.874.730</b>	<b>7.852.180.011</b>

### 05 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	42.106.794.983	22.320.292.916
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	1.319.904.742	463.051.200
Lỗ chênh lệch tỷ giá		284.155.290
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	2.547.249.056	(1.468.192.854)
Chi phí tài chính khác	607.342.388	
<b>Cộng</b>	<b>46.581.291.169</b>	<b>21.599.306.559</b>

### 06 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

#### 06 . 1. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên bán hàng	22.347.421.896	13.670.683.130
Các khoản chi phí bán hàng khác	3.319.501.681	18.137.016.302
<b>Cộng</b>	<b>25.666.923.577</b>	<b>31.807.699.432</b>

#### 06 . 2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nguyên, vật liệu	286.240.531	1.754.733.193
Chi phí công cụ, dụng cụ	4.733.252.937	692.155.691
Chi phí nhân viên	27.680.131.797	19.313.663.498
Chi phí khấu hao	3.854.144.689	1.902.011.412
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.324.964.722	1.072.367.175
Thuế, phí, lệ phí	120.480.501	
Các khoản chi phí QLDN khác	8.873.080.539	16.410.741.798
<b>Cộng</b>	<b>61.872.295.716</b>	<b>41.145.672.767</b>

### 07 . THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
Thu từ thanh lý tài sản	318.181.818	
Tiền phạt thu được	2.862.872.800	908.975.436
Các khoản khác	7.619.369	
<b>Cộng</b>	<b>3.188.673.987</b>	<b>908.975.436</b>

### 07 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
Các khoản bị phạt	3.371.827.384	1.772.116.428
Các khoản khác	1.417.721.874	27.866.422
<b>Cộng</b>	<b>4.789.549.258</b>	<b>1.799.982.850</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

### 08 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	263.979.463.500	247.235.596.453
Chi phí nhân công	66.703.663.382	16.543.075.977
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.236.231.206	4.967.635.174
Chi phí dịch vụ mua ngoài	62.715.744.027	4.372.438.677
Chi phí khác bằng tiền	11.674.349.704	52.983.090.118
<b>Cộng</b>	<b>411.309.451.819</b>	<b>326.101.836.399</b>

### 09 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế	50.338.250.425	21.152.294.944
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này		
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>50.338.250.425</b>	<b>21.152.294.944</b>

### VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: Không có
2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có

#### 3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường

*Năm nay*  
1.268.001.056.085

#### 4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:

*Năm nay*  
1.197.207.336.479

### VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có

02 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán.

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính riêng đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

03 . Thông tin về các bên liên quan

a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này

- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	4.841.773.333	3.851.624.443
Trong đó: Tiền lương	4.183.920.333	3.569.624.443

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

**b. Giao dịch với các bên liên quan khác:**

Bên liên quan	Mối quan hệ
+ Công ty TNHH Dũng Thịnh Phát	Công ty con
+ Công ty CP Du Lịch Đồng Tháp	Công ty con
+ Công ty CP Phú Hùng Phú Quốc	Công ty con
+ Công ty CP Đầu Tư Tài Chính & Truyền Thông Quốc Tế	Công ty con
+ Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài chính	Đầu tư dài hạn khác
+ Công ty CP Du Lịch An Giang	Công ty con
+ Công ty CP Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia	Công ty liên doanh liên kết

Trong kỳ, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
+ Công ty CP Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia	Bán cá nguyên liệu	8.045.154.708
	Bán thức ăn cá	258.424.100.302
	Tổng thầu Xây dựng nhà máy thức ăn	255.140.255.328
	Bán bột cá	3.897.660.000
	Mua Cá Tra fillet	45.735.398.000
	Mua nguyên liệu chế biến thức ăn cho cá	83.826.491.738
	Chi hộ phí hoa hồng	289.672.800
	Chi hộ phí ủy thác xuất khẩu	421.891.508
	Chi hộ tiền bảo hiểm	125.580.000
+ Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản	Xuất bán bột cá	135.145.599.405
	Xuất bán mỡ cá	19.649.000
	Cho vay	34.000.000.000
	Tiền lãi tiền cho vay	883.770.800
	Trích hộ tiền bảo hiểm	2.795.000
	Mua thức ăn cho cá	55.542.352.400
+ Công ty CP Du Lịch Đồng Tháp	Mua vé, lãi vay	1.515.982.952
+ Công ty CP ĐT TC & Truyền Thông Quốc Tế	Bán thức ăn cá	10.195.275.800
	Mượn tiền tạm	1.002.000.000
+ Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài chính	Cho mượn vốn	90.000.000.000
	Bán đất nền	16.881.856.000



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

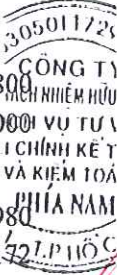
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính riêng, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Các khoản phải thu (VND)
+ Công ty CP Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia	Tiền Ủy thác nhập khẩu	28.606.302.250
	Phải thu tiền Ủy thác xuất khẩu	5.488.528.979
+ Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản	Tiền chi hộ bảo hiểm	86.528.185

Bên liên quan ( tiếp theo)	Nội dung nghiệp vụ	Các khoản phải trả (VND)
+ Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài chính		16.881.856.000
+ Công ty CP ĐT TC & Truyền Thông Quốc Tế	Tiền mua thức ăn cá	10.195.275.800
	Tiền mượn tạm	1.002.000.000
+ Công ty CP Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia	Tiền nguyên liệu thức ăn	2.886.891.980
	Ứng trước tiền tổng thầu - Nhà máy thức ăn	352.784.144.172
+ Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản	Tiền bột cá biển	13.983.228.165
+ Công ty CP Du Lịch Đồng Tháp	Tiền mượn	23.000.000.000
	Lãi tiền vay	255.847.000



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
**Năm 2016**

Đơn vị tính: VND

**04 . Thông tin bộ phận**

**a. Khu vực địa lý**

Nhằm phục vụ cho công tác quản lý của Công ty, Công ty được tổ chức quản lý và hạch toán theo các đơn vị kinh doanh ở các khu vực khác nhau do đó báo cáo bộ phận theo các khu vực như sau:

- Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty

	<b>Năm nay</b>	<b>An Giang</b>	<b>Đồng Tháp</b>	<b>Địa bàn khác</b>	<b>Tổng cộng</b>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài		386.749.059.338	852.442.655.636	91.527.048.932	1.330.718.763.906
Doanh thu thuần cung cấp giữa các bộ phận					-
<b>Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>386.749.059.338</b>	<b>852.442.655.636</b>	<b>91.527.048.932</b>	<b>1.330.718.763.906</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận		213.194.398.411	42.836.511.790	86.997.050.944	343.027.961.145
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(87.539.219.293)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>					<b>255.488.741.852</b>
Doanh thu hoạt động tài chính					8.033.874.730
Chi phí tài chính					(46.581.291.169)
Thu nhập khác					3.188.673.987
Chi phí khác					(4.789.549.258)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(50.338.250.425)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>					<b>165.002.199.717</b>
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác					39.457.007.553
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>					<b>26.827.124.852</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
Năm 2016

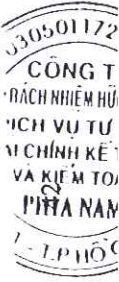
	Đơn vị tính: VND		
	An Giang	Đồng Tháp	Địa bàn khác
<b>Năm trước</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	294.102.771.808	150.802.318.773	358.615.177.930
Doanh thu thuần cung cấp giữa các bộ phận			
<b>Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>294.102.771.808</b>	<b>150.802.318.773</b>	<b>358.615.177.930</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	138.430.632.511	25.751.845.549	17.804.985.132
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(72.953.372.199)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>109.034.090.993</b>		<b>109.034.090.993</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	7.852.180.011		7.852.180.011
Chi phí tài chính	(21.599.306.552)		(21.599.306.552)
Thu nhập khác	908.975.436		908.975.436
Chi phí khác	(1.799.982.850)		(1.799.982.850)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(21.152.294.944)		(21.152.294.944)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	1.564.203		1.564.203
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>73.245.226.297</b>		<b>73.245.226.297</b>
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	19.239.632.359		19.239.632.359
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>23.344.167.050</b>		<b>23.344.167.050</b>
- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo khu vực địa lý			
	<b>31/12/2016</b>		
Tài sản bộ phận	3.271.153.094.170	331.479.749.236	1.044.517.851.787
Tài sản không phân bổ			
<b>Tổng tài sản</b>	<b>3.271.153.094.170</b>	<b>331.479.749.236</b>	<b>1.044.517.851.787</b>
Nợ phải trả bộ phận	617.086.977.513	510.420.916.176	53.563.912.790
Nợ phải trả không phân bổ			
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>617.086.977.513</b>	<b>510.420.916.176</b>	<b>53.563.912.790</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
**Năm 2016**

	01/01/2016		Đơn vị tính: VND	
	An Giang	Đồng Tháp	Địa bàn khác	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	993.239.411.300	403.767.859.671	629.645.120.158	2.026.652.391.129
Tài sản không phân bổ				1.762.609.551.601
<b>Tổng tài sản</b>	<b>993.239.411.300</b>	<b>403.767.859.671</b>	<b>629.645.120.158</b>	<b>3.789.261.942.730</b>
Nợ phải trả bộ phận	456.580.590.612			456.580.590.612
Nợ phải trả không phân bổ				972.446.854.968
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>456.580.590.612</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.429.027.445.580</b>

**b. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh**

Chỉ tiêu	Bất động sản	Xây dựng	Thương mại	Doanh thu khác	Tổng cộng
<b>Năm nay</b>					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	359.752.720.447	271.559.790.544	311.885.917.676	387.520.335.239	1.330.718.763.906
Tài sản bộ phận	3.088.069.421.384	269.537.878.254	826.213.373.885	463.330.021.670	4.647.150.695.193
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác					39.457.007.553
<b>Năm trước</b>					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	296.710.696.346	148.532.727.273	332.733.569.969	25.543.274.923	803.520.268.511
Tài sản bộ phận	879.888.230.815	63.998.355.280	960.922.871.209	121.842.933.825	2.026.652.391.129
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác					19.239.632.359



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
**Năm 2016**

Đơn vị tính: VND

**05 . Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	31/12/2016	01/01/2016	31/12/2016	01/01/2016
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Giá trị
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	205.094.795.946		470.480.211.671	470.480.211.671
Phải thu khách hàng	351.568.648.030		341.005.305.484	341.005.305.484
Trả trước cho người bán	840.897.111.408		1.028.788.727.047	1.028.788.727.047
Các khoản phải thu khác	149.322.889.330		132.344.458.449	132.344.458.449
Đầu tư tài chính ngắn hạn	372.139.724.107		372.139.724.107	-
Đầu tư tài chính dài hạn	1.298.849.179.800	(7.483.596.603)	659.020.679.800	1.291.365.583.197
<b>Cộng</b>	<b>3.217.872.348.621</b>	<b>(7.483.596.603)</b>	<b>2.631.639.382.451</b>	<b>3.210.388.752.018</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	205.353.294.657		74.369.561.589	74.369.561.589
Người mua trả tiền trước	672.265.922.110		261.271.670.424	261.271.670.424
Vay và nợ	1.039.536.181.159		978.785.052.306	978.785.052.306
Các khoản phải trả khác	82.630.353.866		57.090.959.867	57.090.959.867
<b>Cộng</b>	<b>2.000.058.242.692</b>		<b>1.371.517.244.186</b>	<b>1.371.517.244.186</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, người lao động, cổ phiếu chuyển đổi và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phân ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
**Năm 2016**

Đơn vị tính: VND

**06 . Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty**  
**a. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

- *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

- *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**b. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một dự trữ một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Tại thục tại ngày 31/12/2016	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Cộng
Phải trả cho người bán	205.353.294.657		205.353.294.657
Người mua trả tiền trước	672.265.922.110		672.265.922.110
Vay và nợ	518.077.874.801	521.458.306.358	1.039.536.181.159
Các khoản phải trả phải nộp khác	82.130.353.866		82.130.353.866
<b>Cộng</b>	<b>1.477.827.445.434</b>	<b>521.458.306.358</b>	<b>1.999.285.751.792</b>



12/12/2016

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

#### - Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau: Nguyên tệ USD

Chi tiêu	31/12/2016	01/01/2016
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.529	
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác		
Phải trả cho người bán		
Vay và nợ thuê tài chính		
Các khoản phải trả khác		
<b>Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ</b>	<b>14.529</b>	<b>11.913</b>

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường trong tương lai. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và đi vay.

	Ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần	
	31/12/2016	01/01/2016
Tỷ giá hối đoái VND và USD tăng 2%	6.471.417	5.348.937
Tỷ giá hối đoái VND và USD giảm 2%	(6.471.417)	(5.348.937)

#### - Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

### d. Tài sản đảm bảo

- Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Công ty đã sử dụng các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ Ngân hàng. Giá trị sổ sách của các tài sản thế chấp như sau:

	31/12/2016	01/01/2016
Các khoản phải thu	276.207.467.811	654.669.012.000
Hàng tồn kho	57.305.000.000	9.230.790.000
Tài sản cố định hữu hình	11.759.577.189	4.493.999.999
Quyền sử dụng đất	174.000.000.000	
Cổ phiếu		
- Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác		

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác kết thúc tại ngày 31/12/2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### 07 . Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

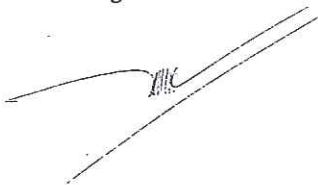
### 08 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính 2015 kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH DV Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCs).

Long Xuyên, ngày 24 tháng 02 năm 2017  
Thay mặt Ban Tổng giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng



NGÔ THỊ TỐ NGÂN

NGUYỄN HOÀNG SANG



LÊ THANH THUẬN